

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Toàn.

2. Ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số F đường D, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (JIVF). Địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Taniguchi N - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H. Chức vụ: Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận quản lý Công nợ. Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Nguyễn Thị H:

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số A đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Theo giấy uỷ quyền ngày 10/4/2023). Có mặt.

- Anh Lê Viết H2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số A đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Theo giấy uỷ quyền ngày 10/4/2023). Vắng mặt  
Bị đơn: Bà Mai Mai P, sinh năm 1991 và ông Nguyễn Quốc H3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ D, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Công ty T (JIVF), gọi tắt là JIVF trình bày:

Vào ngày 25/04/2022, bà Mai Mai P và ông Nguyễn Quốc H3 có ký hợp đồng số 540010002672919000 với JIVF để vay số tiền 489.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn) để mua xe mô tô theo hình thức trả góp hàng tháng với lãi suất 14,9568%/năm (tương đương 1,2464%/tháng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà P và ông H3 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 tháng, mỗi tháng bà P và ông H3 phải thanh toán cho JIVF số tiền là 13.610.529 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 23/05/2022.

Sau khi JIVF giải ngân số tiền 489.000.000 đồng cho bà P và ông H3 thì tính đến nay bà P và ông H3 đã thanh toán được tổng số tiền 95.349.558 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 55.310.357 đồng. Nợ lãi: 39.880.089 đồng. Lãi quá hạn: 75.112 đồng. Phí quản lý khoản vay: 84 đồng.

Tuy nhiên, từ sau ngày 22/12/2022 đến nay, bà P và ông H3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù JIVF đã nhiều lần nhắc nhở. Việc bà P và ông H3 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3, Điều 8 của hợp đồng số 540010002672919000 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết ngày 25/04/2022, đồng thời cũng vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân Sự 2015, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của JIVF.

Do đó, JIVF khởi kiện bà Mai Mai P và ông Nguyễn Quốc H3 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc bà P và ông H3 phải thanh toán ngay một lần toàn bộ khoản nợ cho JIVF, số tiền tính đến hết ngày 27/03/2024 là 509.081.671 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 433.689.643 đồng. Tiền lãi: 71.164.214 đồng. Tiền lãi quá hạn: 4.071.814 đồng. Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng. Buộc bà P và ông H3 phải tiếp tục thanh toán cho JIVF tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh từ ngày 28/03/2024 cho đến khi hết số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 540010002672919000 ký ngày 25/04/2022.

Bị đơn là bà Mai Mai P và ông Nguyễn Quốc H3 trình bày: Vào ngày 25/04/2022, bà P, ông H3 có ký hợp đồng số với JIVF để vay số tiền 489.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn) để mua xe mô tô theo hình thức trả góp hàng tháng với lãi suất 14,9%/năm. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà P, ông H3 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 tháng, mỗi tháng bà P, ông H3 phải thanh toán cho JIVF số tiền là 13.610.529 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 23/05/2022. Sau khi JIVF giải ngân số tiền 489.000.000 đồng cho bà P, ông H3 thì tính đến nay bà P, ông H3 đã thanh toán được tổng số tiền 95.349.558 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 22/12/2022 đến nay, bà P, ông H3 làm ăn khó khăn nên không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho JIVF. Nay JIVF khởi kiện bà P, ông H3 yêu cầu phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho JIVF, số tiền tạm tính đến hết ngày 19/12/2023 là 507.490.456 đồng. Bà P, ông H3 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện đó của nguyên đơn nhưng hiện tại bà P và ông H3 chưa có tiền để trả 01 lần.

Do nguyên đơn và bị đơn chưa thoả thuận được việc trả nợ, do đó Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 27/02/2024 là chưa đảm bảo quy định pháp luật tố tụng dân sự, vì nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ án. Về việc nguyên đơn không chấp nhận lập biên bản hòa giải thành khi các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra đã được bị đơn chấp nhận thỏa thuận là không đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn không có quyền được thỏa thuận, lựa chọn hay bắt buộc Tòa án phải ban hành quyết định tố tụng nào. Căn cứ Khoản 5 Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án cần phải lập biên bản hòa giải thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc H3** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc H3**.

Nguyên đơn **Công ty T (JIVF)** khởi kiện, tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc H3**, có nơi cư trú tại: **Tổ D, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng: Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 27/02/2024 là chưa đảm bảo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ, bởi vì, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Mặc dù, tại các phiên hòa giải, các đương sự đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ án, nhưng không chấp nhận lập biên bản hòa giải thành. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 212 Bộ luật Tố tụng Dân sự; thì Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được. Về pháp luật dân sự không có điều luật nào quy định bắt buộc các đương sự phải chấp hành việc Tòa án lập biên bản hòa giải thành khi Tòa án tiến hành hòa giải mà các đương sự đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ án theo qui định tại khoản 5 Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 203; Điều 205; Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là chính xác, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 25/04/2022, bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc H3** có ký kết hợp đồng tín dụng với **Công ty T (JIVF)**.

**Công ty T** (JIVF) đã phê duyệt với hạn mức tín dụng là 489.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*), với mục đích mua xe mô tô theo hình thức trả góp hàng tháng. Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hai bên thoả thuận phương thức, thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ; trả nợ gốc, lãi, tiền vay và cơ cấu nợ; lãi suất cho vay, lãi chậm trả..... tại Hợp đồng tín dụng. Xét chủ thể ký kết, nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117; Điều 118; Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

Xét bên vay đã vi phạm hợp đồng không thanh toán đúng hạn, đã quá thời hạn trả nợ nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc Hữu t** phải thanh toán cho **Công ty T** (JIVF) số tiền tính đến hết ngày 27/03/2024 là 509.081.671 đồng. (Năm trăm không chín triệu không trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Tiền gốc: 433.689.643 đồng. Tiền lãi: 71.164.214 đồng. Tiền lãi quá hạn: 4.071.814 đồng. Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng. Buộc bà **P** và ông **H3** phải tiếp tục chịu tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh từ số tiền gốc từ ngày 28/03/2024, tương ứng với số tiền gốc chưa thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 540010002672919000 ký ngày 25/04/2022.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 24.363.266 đồng. ( $20.000.000 \text{ đồng} + (509.081.671 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\% = 24.363.266 \text{ đồng}$ ).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 11.186.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274; Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc Hữu t** phải thanh toán cho **Công ty T** (JIVF) số tiền tính đến hết ngày 27/03/2024 là 509.081.671 đồng. (Năm trăm không chín triệu không trăm tám mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Tiền gốc: 433.689.643 đồng. Tiền lãi: 71.164.214 đồng. Tiền lãi quá hạn: 4.071.814 đồng. Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng.

Kể từ ngày 28/03/2024 bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 540010002672919000 ký ngày 25/04/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí: Buộc bà **Mai Mai P** và ông **Nguyễn Quốc H3** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.363.266 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng)

Hoàn trả lại cho **Công ty T** (JIVF) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.186.000 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0003884 ngày 21/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CCTHADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Quý Vân**

